TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-PT
Ngày: 04/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý phúc thẩm số 13/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1697/2025/QĐPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Ông Phạm Đức H, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Đức H*: Anh Phạm Đức C, sinh năm 1987, địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

**** Bị đơn*:** Ông Phan Văn H1, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Thuý H2, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Anh Lê Duy Ch và chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, địa chỉ: Văn phòng luật sư TV, P206, Tòa nhà Đệ Nhất, số 78 MK, HB, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Phạm Đức C, sinh năm 1987, địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Chị Phạm Thị L3, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại Cộng hoà Séc; vắng mặt.

3. Anh Phạm Đức Ph1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại Cộng hoà Séc; vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị L3, anh Phạm Đức Ph1:* Ông Phạm Đức H, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Đức H trình bày:

Năm 1994, ông H có mua 01 mảnh đất theo chủ trương của Uỷ ban nhân dân xã, tại xứ Đồng Ao, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An, được xã quy hoạch thửa để bán, mỗi thửa có chiều dài 51,5 m, chiều rộng 12 m, thửa đất số 101, tờ bản đồ số 19, tổng diện tích 627,3m^2, hiện nay chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do: Giữa ông H và hai hộ gia đình liền kề chưa xác định được ranh giới cụ thể giữa các bên.

Thửa đất của gia đình ông H có phía Đông Tây giáp thửa đất số 109, tờ bản đồ số 19 của gia đình ông Phan Văn H1.

Vào khoảng năm 1996, gia đình ông Phan Văn H1 xây bờ rào lấn đất của gia đình ông H 60,5m² về phía Đông Tây tại thừa đất số 101, tờ bản đồ số 19 của gia đình ông H.

Cụ thể: Phía trước bám đường quốc lộ 46C là lấn 0,4m; phía sau đường làng lấn sang 2,11m; chiều dài 51,5m, tổng diện tích lấn chiếm là 60,5m².

Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 19, tổng diện tích 627,3 m² là tài sản chung của ông H và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1961 (Bà L3 đã chết ngày 02/5/2023).

Ông H và bà Nguyễn Thị L3 có 03 người con gồm:

- Phạm Thị L3, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại Cộng hoà Séc (Xuất cảnh năm 2007).

- Phạm Đức C, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

- Phạm Đức Ph1, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại Cộng hoà Séc (Xuất cảnh năm 2017).

Bố và mẹ bà Nguyễn Thị L3 là:

- Bố Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1916, chết ngày 19/6/1983.

- Mẹ Nguyễn Văn Ngh1, sinh năm 1922, chết ngày 08/12/2013.

Ông H đã viết đơn gửi Uỷ ban nhân dân xã giải quyết việc tranh chấp. Cụ thể ngày 30/10/2019, ngày 05/11/2019 và ngày 08/12/2021. Uỷ ban nhân dân xã đã mời ba hộ gia đình (ông H, ông Phan Văn H1 và ông Lê Văn H4- người thừa kế đất của ông Lê Văn Tr), cả ba hộ gia đình đều trú tại: Xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An, để giải quyết ranh giới đất đai liền kề giữa các bên.

Uỷ ban nhân dân xã đã cử cán bộ công chức chuyên môn địa chính trực tiếp xác minh đo lại diện tích của các hộ gia đình theo bản đồ số 19 của Uỷ ban nhân dân xã TL. Gia đình ông H đã trực tiếp thuê Trung tâm đo đạc tỉnh Nghệ An đến xác định đất của gia đình ông H bị thiếu 60,5m^2 so với hiện trạng, là do ông Phan Văn H1 xây bờ rào lấn sang.

Cụ thể: Phía trước bám đường quốc lộ 46C là 0,4m; phía sau đường làng lấn sang 2,11m; chiều dài 51,5m, tổng diện tích lấn chiếm là 60,5m^2. Uỷ ban nhân dân xã đã hòa giải và vận động gia đình ông Phan Văn H1 trả lại phần đất lấn chiếm trên nhưng gia đình ông Phan Văn H1 không chịu H1 tác và không thực hiện sau ba lần hòa giải không thành công.

Vì vậy, ông H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An:

Buộc gia đình ông Phan Văn H1 trả lại diện tích lấn chiếm là 60,5m^2, thuộc tờ bản đồ số 19, thửa đất số 101, trị giá phần đất lấn chiếm là 25.852.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng), địa chỉ thửa đất: Xứ Đồng Ao cũ, thuộc xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho gia đình ông H (Gồm ông H và 03 người con đã khai ở trên).

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phan Văn H1 và Trần Thị Thúy H2 trình bày:

Năm 1994, Uỷ ban nhân dân xã có chủ trương bán đất (Xứ Đồng Ao), đặc biệt ưu tiên cho các hộ gia đình chưa có đất, nhà ở. Vì vậy, gia đình ông bà đã làm đơn và được Uỷ ban nhân dân xã bán. Dẫy đất gồm có 10 hộ gia đình liền kề. Từ phía dưới đi lên miếng thứ nhất là gia đình ông bà ở.

Khoảng năm 1996, sau khi được cấp đất, ông bà đã mời gia đình ông Phạm Đức H đến tại miếng đất của ông bà làm nhà ở, xây bờ rào kiên cố chứng kiến, được đào theo mốc Uỷ ban nhân dân xã TL đã cắm trước và sau giăng dây xây bờ rào, nhà ở cố định từ đó đến nay. Thực tế vợ chồng ông H1, bà H2 lúc đó cũng không có lí do gì lấn chiếm đất đai.

Theo biểu mẫu của Uỷ ban nhân dân xã TL (Ngày 17/5/2022) tổng hợp diện tích đất của 31 hộ dân bản trái thẩm quyền, thì trong đó có 03 hộ liền kề có diện tích:

1. Bà Vương Thị L4: Diện tích: 472,8m².

2. Ông Phạm Đức H: Diện tích: 627,3m².

3. Ông Phan Văn H1: Diện tích: 672,6m².

Theo số đo trên thì diện tích đất của bà: Vương Thị L4: 472,8m²; ông: Phạm Đức H 627,3m²/586m² (diện tích được cấp) cũng tăng, chứ không phải gia đình ông bà. Khi cấp đất UBND xã TL cũng không có một văn bản hoặc biên bản gì chứng minh phía trước của 03 gia đình liền kề (Bà Vương Thị L4, ông Phạm Đức H, Ông Phan Văn H1) quy định phía trước 12m dài, phía sau cũng 12m dài. Các gia đình lấy phía trước 12m dài, áp dụng phía sau cũng 12m dài là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 2014 thì vị trí nhà bà H2 đang ở thuộc thửa 109, diện tích 672,6 m^2, việc diện tích tăng là có mấy lý do sau:

+ Tăng do sai số đo đạc (Thủ công).

+ Tăng do phát quang bờ bụi rậm, vì thửa đất của gia đình bà hiện đang ở tiếp giáp 03 mặt đường, trước khi đo không phát quang bờ bụi rậm để đo.

Thửa đất gia đình bà H2 đang ở phía trước giáp đường quốc lộ 46C, phía sau và cạnh bên phải giáp đường xóm, phía bên phải bà đang ở là đất ông Phạm Đức H, tiếp giáo với đất ông H là thửa đất của ông Lê Văn Tr (nay ông Lê Văn H4 con ông Tr thừa kế).

Cũng vì lý do đặc điểm thửa đất gia đình bà có nhiều cạnh bám đường nên diện tích tăng cơ bản như đã trình bày ở trên, đồng thời ở xứ đồng có nhiều thửa, nhiều hộ đã xây nhà nên việc bị sai số cộng dồn là điều cần phải xem xét trên toàn bộ cả khu vực, cho nên nếu ông Phạm Đức H cho rằng đất ông thiếu là do bà lấn chiếm là không có cơ sở, bởi sau khi nhận bàn giao đất gia đình bà xây nhà, xây bờ rào kiên cố trước sự chứng kiến của cả gia đình ông Phạm Đức H. Do đó, ông H1, bà H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của ông H.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Đức C: Anh C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L3 và anh Phạm Đức Ph1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền cho ông Phạm Đức H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, quyết định: Căn cứ Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 161, Điều 164, Điều 166, Điều 174 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức H.

Buộc ông Phan Văn H1, bà Trần Thị Thuý H2 tháo dỡ bờ tường xây dài 53,45m và công trình xây dựng có diện tích 5,4m^2 trả lại phần tích diện đất 60,5m^2 được xác định bởi các điểm 3,4,5,6,7 về điểm 3, tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 19, tại xứ Đồng Ao, thuộc xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho ông Phạm Đức H, chị Phạm Thị L3, anh Phạm Đức Ph1, anh Phạm Đức C. (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/10/2024, bị đơn - ông Phan Văn H1, bà Trần Thị Thúy H2 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – chị Nguyễn Thị Cẩm Nh trình bày: Chúng tôi không biết về Bản mô tả ranh giới, mốc giới 2013 và kết quả đo đạc thửa đất năm 2014; chữ ký của đại diện chủ sử dụng đất trong Bản mô tả ranh giới, mốc giới 2013 là không đúng, ông H1 không ủy quyền cho ông H; kết quả đo đạc địa chính không đúng với thực trạng sử dụng đất; chúng tôi đã đề nghị đưa UBND xã TL vào tham gia tố tụng để làm rõ việc sử dụng đất nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Do đó, những tài liệu mà Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Lê Duy Ch bổ sung: Việc xây tường rào ngăn cách hai thửa đất năm 1996 có các hộ dân xung quanh ký xác nhận làm chứng, nhà ông H ở cách thửa đất 50m nên chắc chắn biết việc xây tường rào. Việc có sai số về diện tích là do đo đạc và do ông H1 phát quang bờ rào.

Ông H1, bà H2 nhất trí với lời trình bày của chị Nh, anh Ch.

Nguyên đơn – ông Phạm Đức H và đại diện theo ủy quyền của ông trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng

cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn là ông Phan Văn H1 hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đủ những người tham gia tố tụng. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị đưa UBND xã TL vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy: Cả nguyên đơn và bị đơn chưa được cấp GCNQSD đất, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành làm việc, xác minh với UBND xã, thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Do đó, không cần thiết phải triệu tập UBND xã TL đến phiên tòa.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn - ông Phan Văn H1:

[2.1] Về nguồn gốc sử dụng đất của các chủ sử dụng đang tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 101 của gia đình ông Phạm Đức H và thửa đất số 109 của gia đình ông Phan Văn H1 đều do UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An giao đất vào ngày 30 tháng 12 năm 1994.

[2.2] Về diện tích, mốc giới: Nguyên đơn - ông Phạm Đức H trình bày: Thời điểm giao đất, hai hộ được giao diện tích bằng nhau và toàn bộ các hộ được giao đất tại đó đều có kích thước chiều ngang mặt trước và mặt sau như nhau (12m). Hội đồng xét xử thấy: Theo Bản đồ 299, Sổ mục kê thể hiện: Hai thửa đất 101 và 109 có kích thước, hình thể, diện tích như nhau; theo Biên bản xác minh ngày 10/9/2004 tại UBND xã TL thể hiện: Khi giao đất chỉ giao diện tích, không biên bản xác định mốc giới cụ thể tại thực địa, chỉ có Biên lai thu tiền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định thời điểm cấp đất thì 2 thửa đất đều có kích thước chiều ngang mặt trước, mặt sau thửa đất bằng nhau.

[2.3] Về quá trình sử dụng đất:

[2.3.1] Phía bị đơn cho rằng năm 1996 khi xây tường ngăn giữa hai thửa đất đã mời ông H ra chứng kiến. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận và trình bày: Thời điểm năm 1996, khi phía bị đơn xây tường rào, ông không phát hiện ra

việc bị lấn chiếm đất, chỉ đến năm 2016 khi tường rào bị đổ, gia đình ông H1 xây lại tường rao ông mới biết việc lấn chiếm đất và ông đã có ý kiến với bị đơn và làm đơn ra UBND xã. Hội đồng xét xử thấy: Bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông H có chứng kiến việc xây tường rào năm 1996; ông H1 cũng không báo với cơ quan có thẩm quyền để làm chứng việc xác định ranh giới giữa hai hộ; theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2024 và kết quả đo đạc các thửa đất theo hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TC, thì hai đầu phần đất đang tranh chấp có khoảng cách: khoảng cách điểm 5,6 là 0,34m, khoảng cách điểm 3 đến 4 là 1,92m. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về việc không phát hiện bị lấn chiếm đất khi ông H1 xây tường rào vào năm 1996 là có căn cứ.

[2.3.2] Xét Bản mô tả ranh giới, mốc giới năm 2013, kết quả đo đạc địa chính năm 2014 đối với thửa đất của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: Các văn bản này đều có chữ ký đại diện chủ sử dụng đất là ông Phạm Đức H (anh trai ông H1), Biên bản xác định ranh giới, mốc giới có chữ ký của đại diện hộ liền kề ông Phạm Đức H. Sau khi cơ quan có thẩm quyền lập các văn bản nêu trên, bị đơn không khiếu nại, tranh chấp gì; quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không đề nghị giám định đối với chữ ký của ông H. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các văn bản này để xác định ranh giới, mốc giới của hai thửa đất và căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ để xác định có việc lấn chiếm đất hay không là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Có căn cứ xác định bị đơn đã xây dựng lấn chiếm lên phần đất của nguyên đơn được UBND xã TL giao đất năm 1996 được thể hiện theo Sơ đồ đo đạc các thửa đất theo hiện trạng của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TC ngày 08/01/2024, được xác định bởi các điểm 3,4,5,6,7 về điểm 3, tổng diện tích gia đình ông H1 xây lấn qua đất nhà ông H có diện tích 60,5m^2 (trong đó có 5,4 m^2 ông H1 xây dựng công trình chăn nuôi trên phần đất tranh chấp).

[3] Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù H1 nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông H1, bà H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Phan Văn H1, bà Trần Thị Thúy H2. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2024/DS-ST ngày 130/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Áp dụng Điều 160, Điều 161, Điều 164, Điều 166, Điều 174 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức H.

- Buộc ông Phan Văn H1, bà Trần Thị Thuý H2 tháo dỡ bờ tường xây dài 53,45m và công trình xây dựng có diện tích 5,4m^2 trả lại phần tích diện đất 60,5m^2 được xác định bởi các điểm 3,4,5,6,7 về điểm 3, tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 19, tại xứ Đồng Ao, thuộc xóm LG, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An cho ông Phạm Đức H, chị Phạm Thị L3, anh Phạm Đức Ph1, anh Phạm Đức C (có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

3. Về án phí: Ông H1, bà H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013363 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Thanh **Nguyễn Ngọc Hoa** **Trần Xuân Thảo**